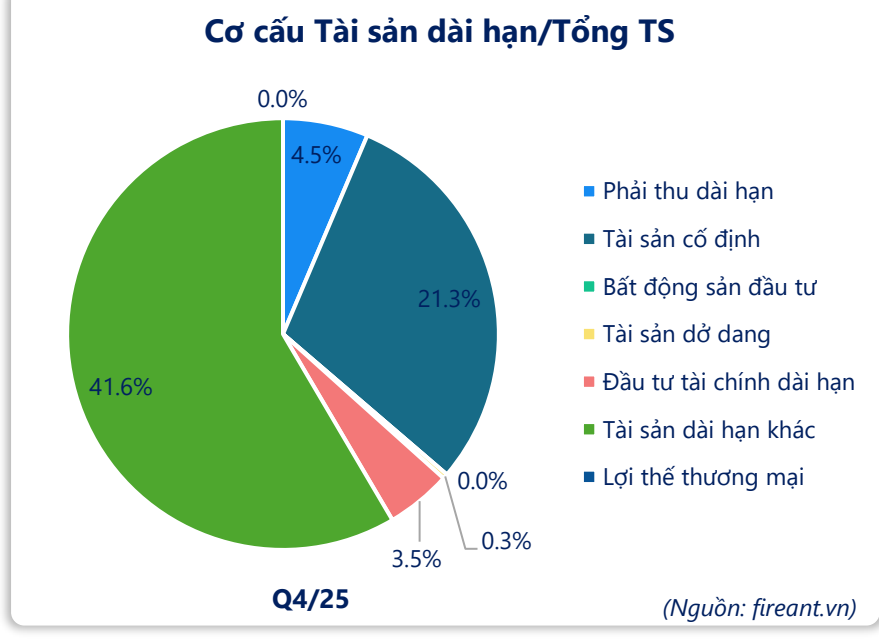
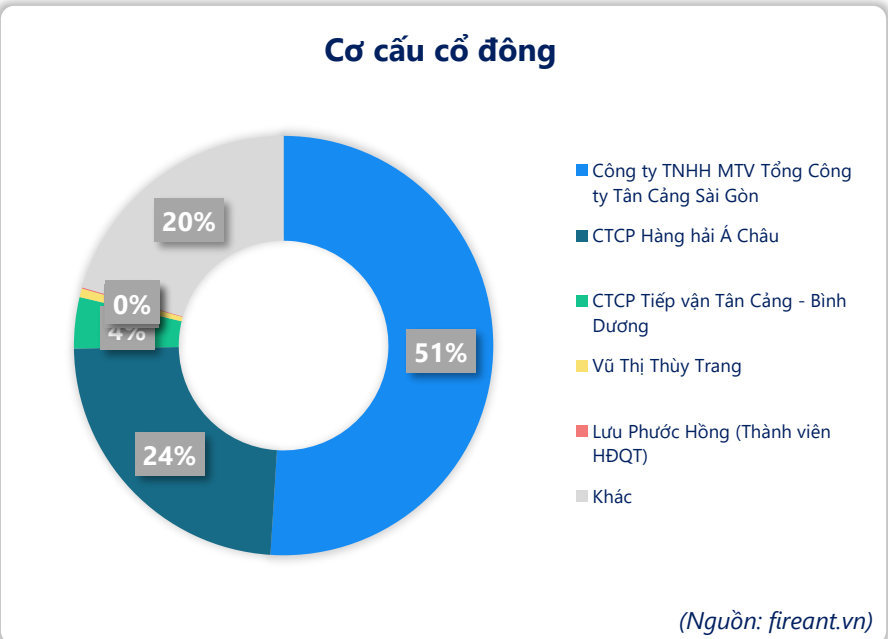
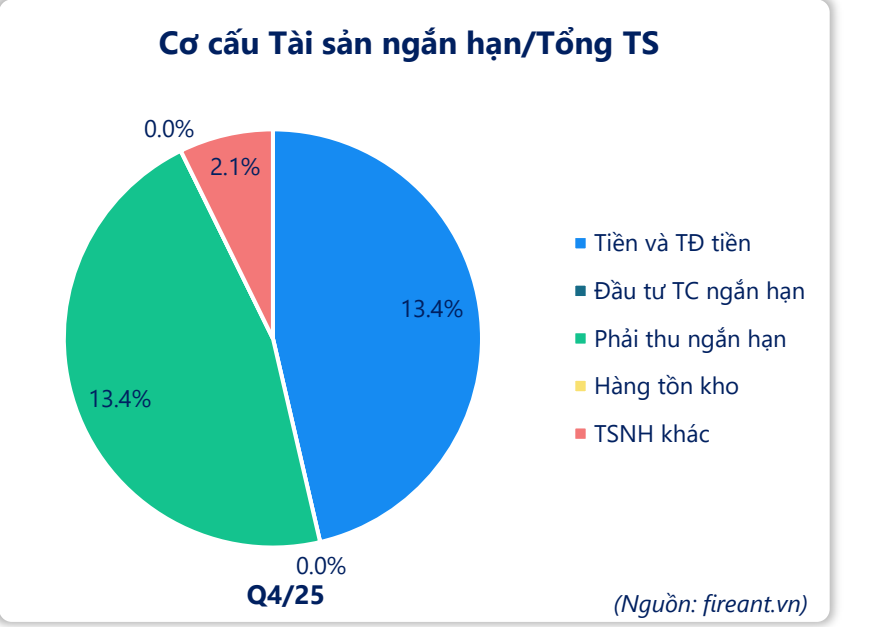
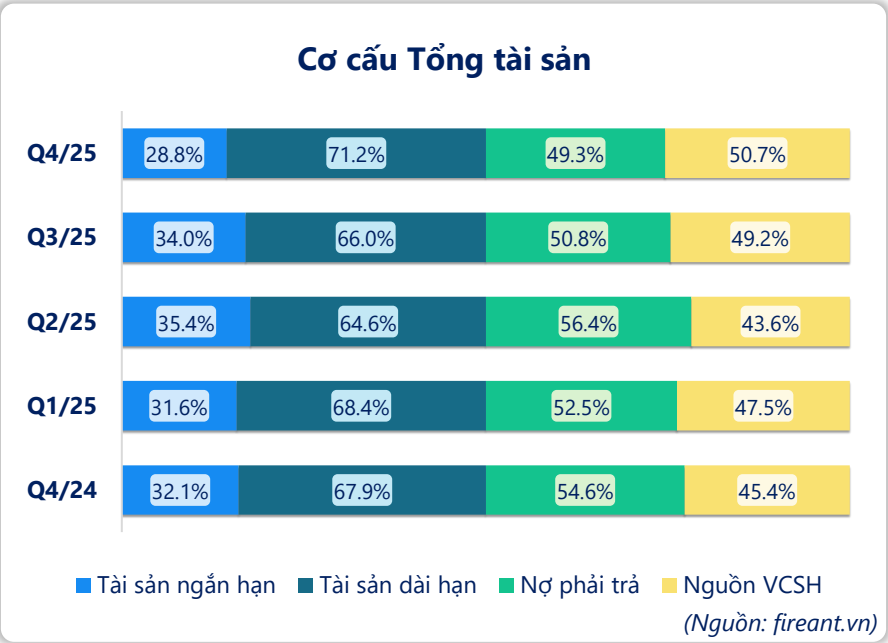
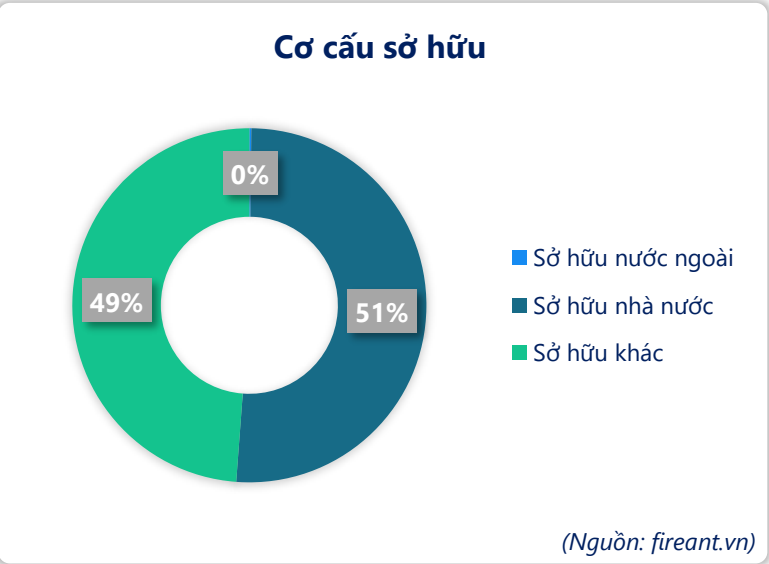
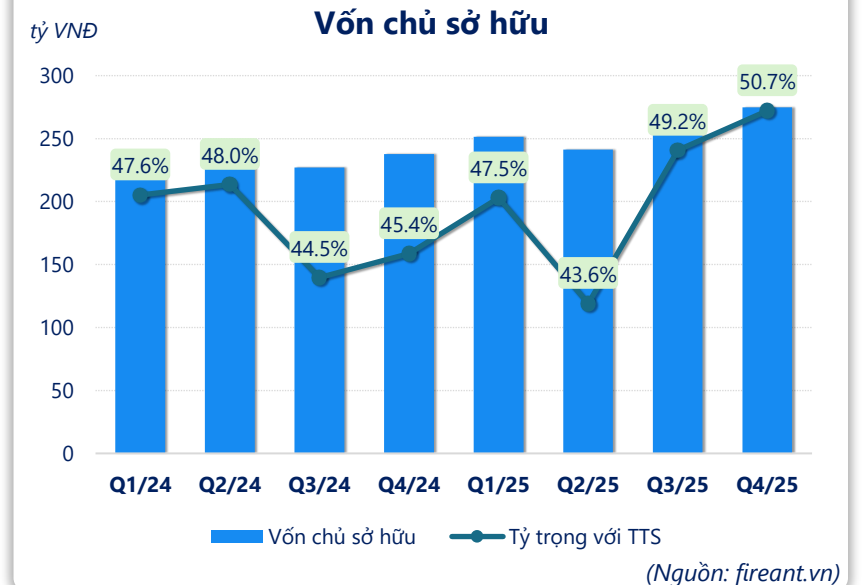
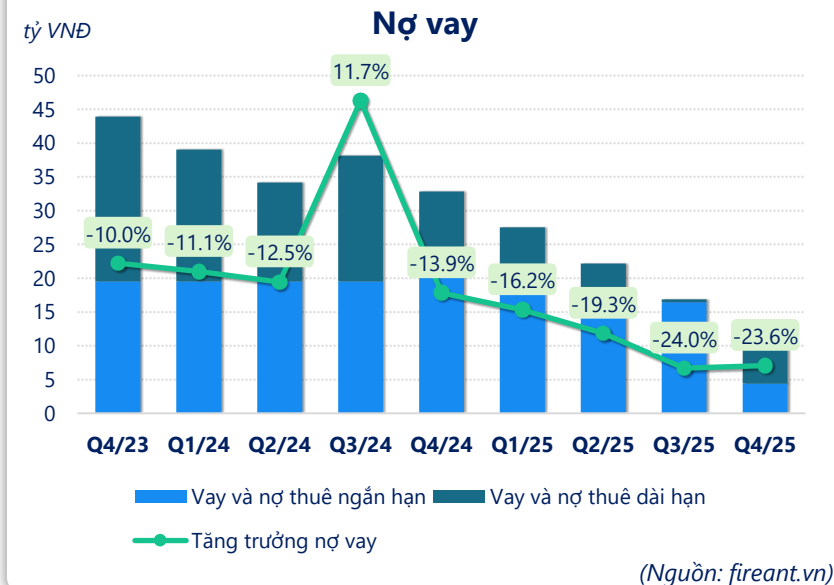
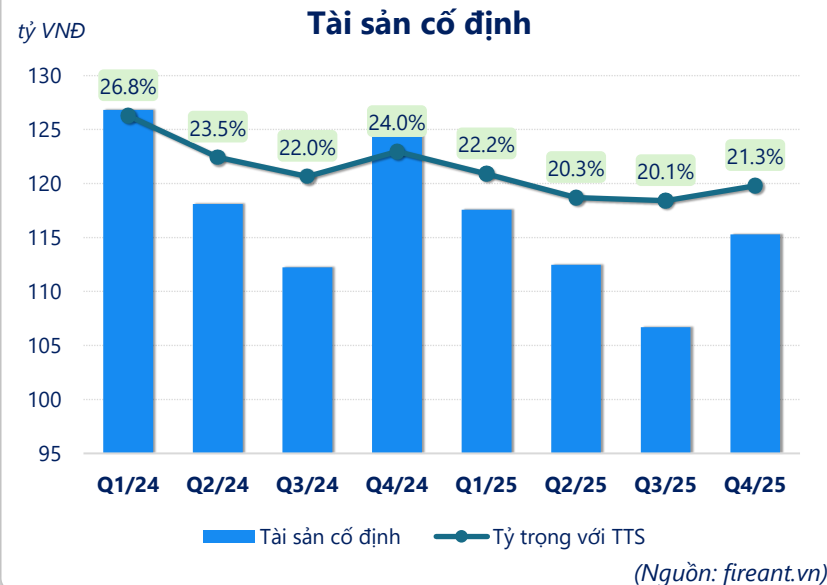
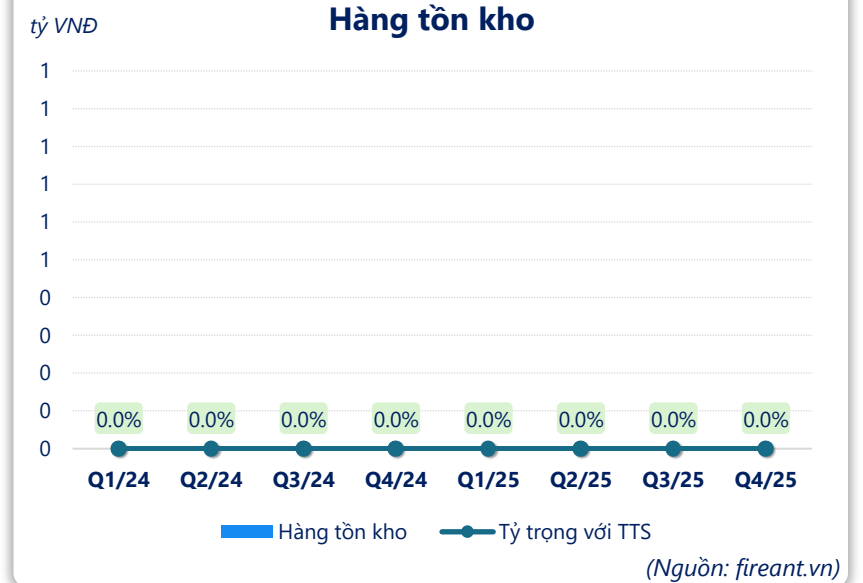
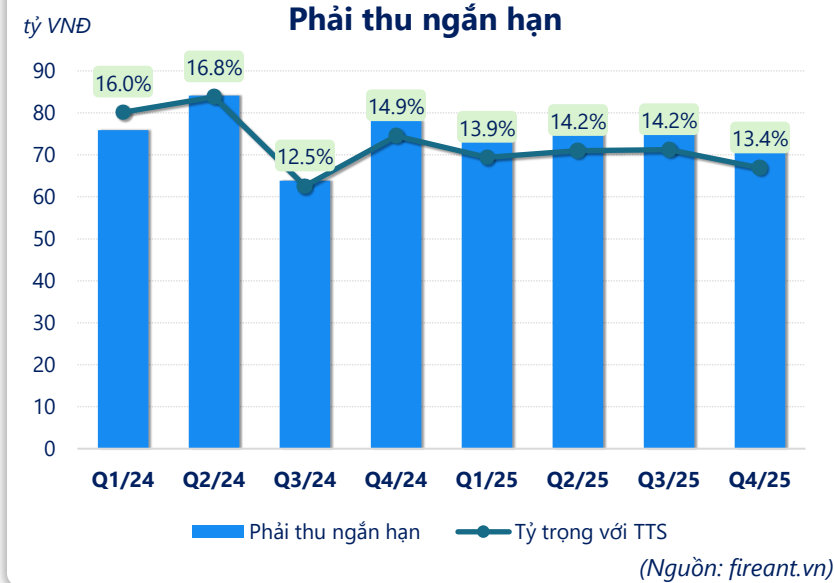
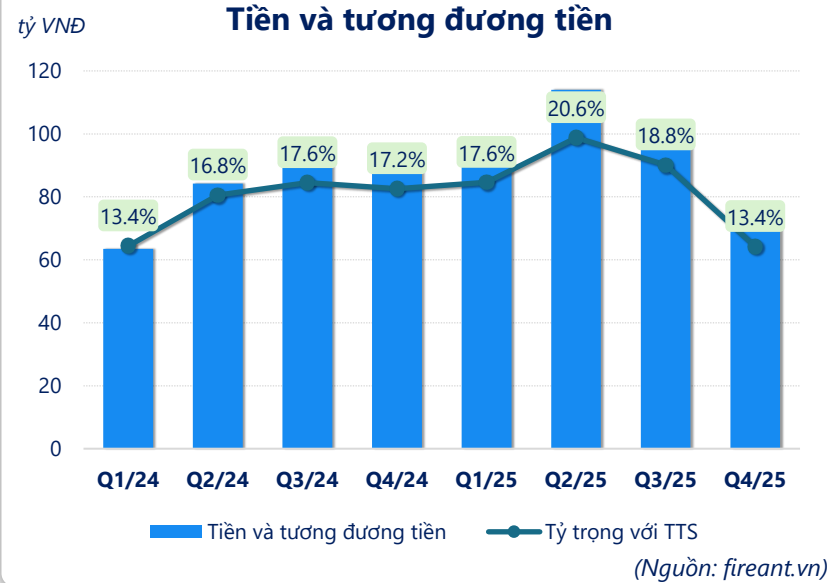
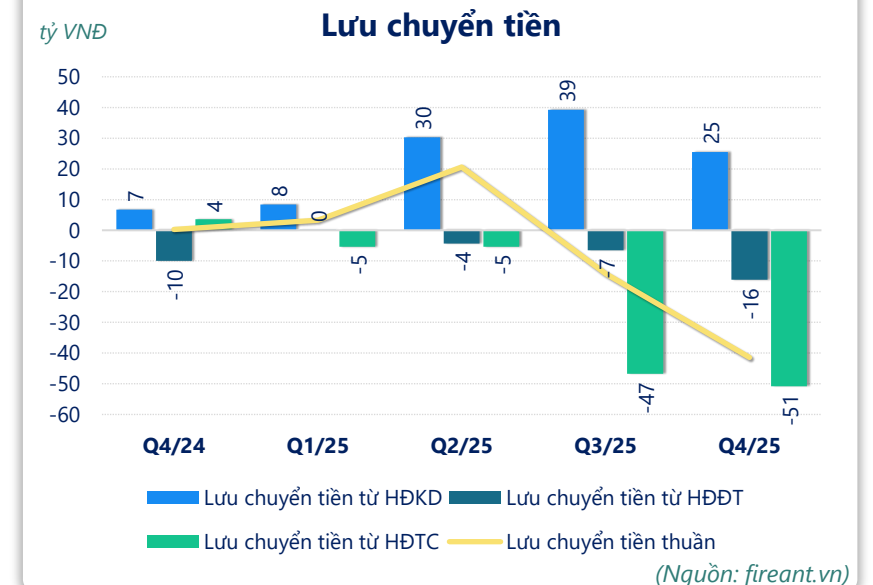
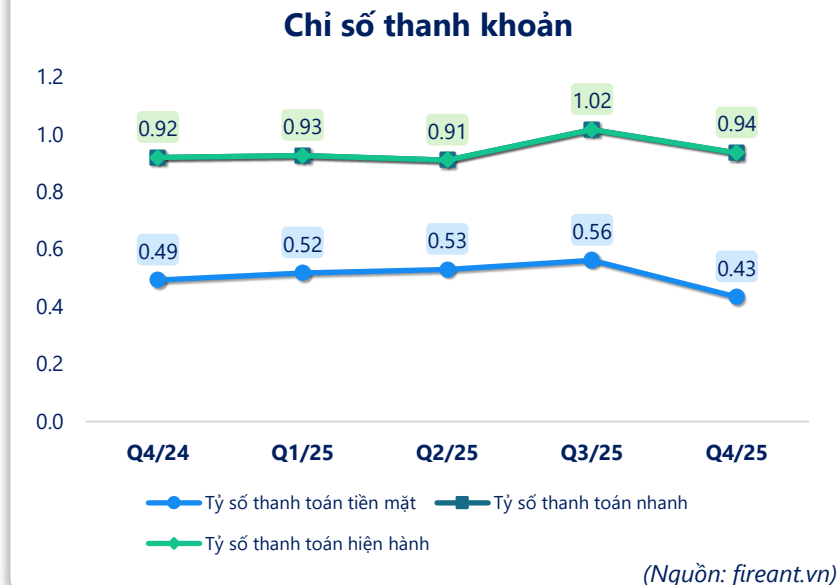
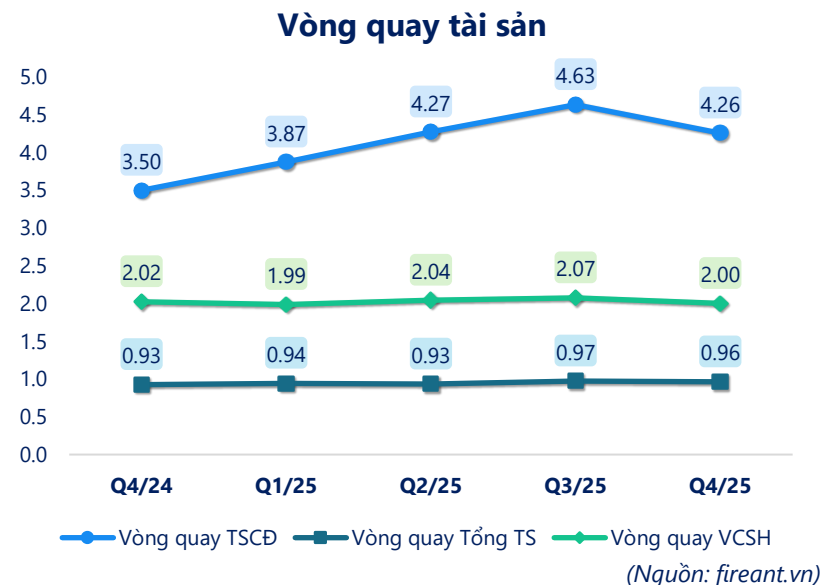
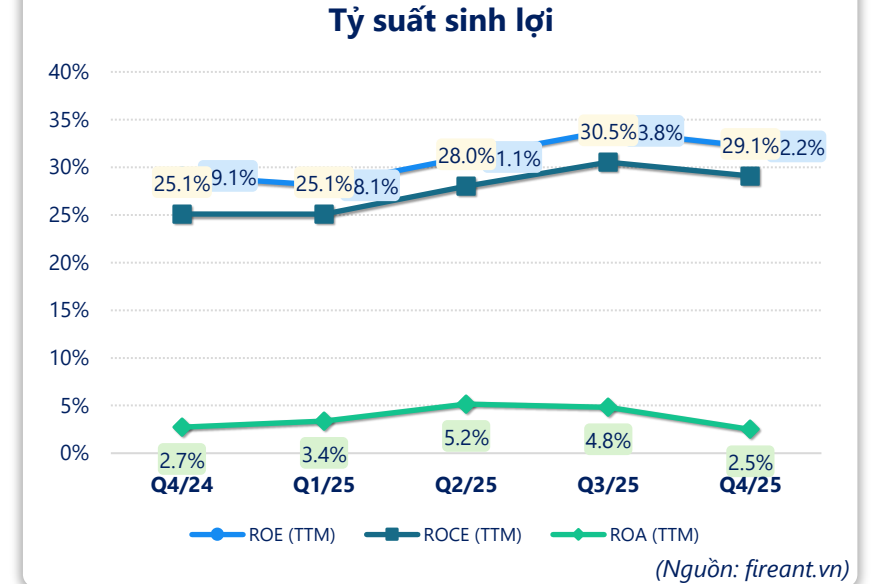
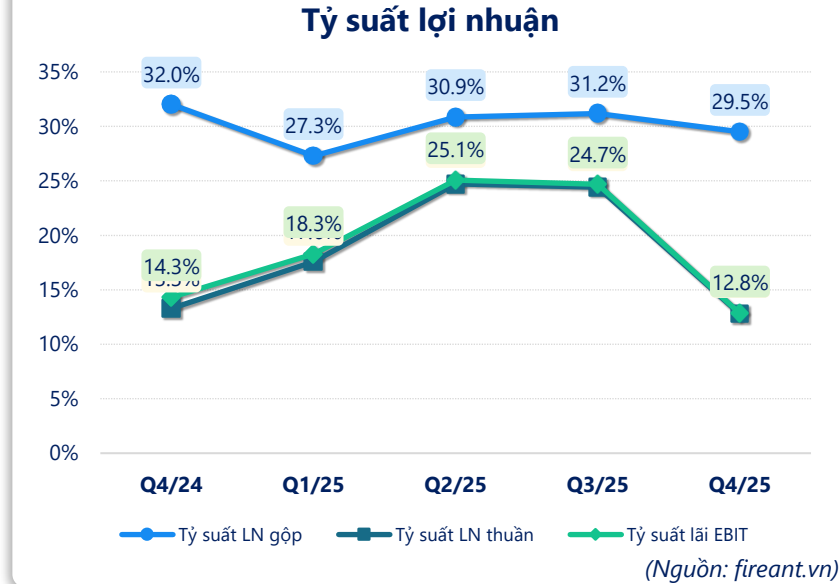
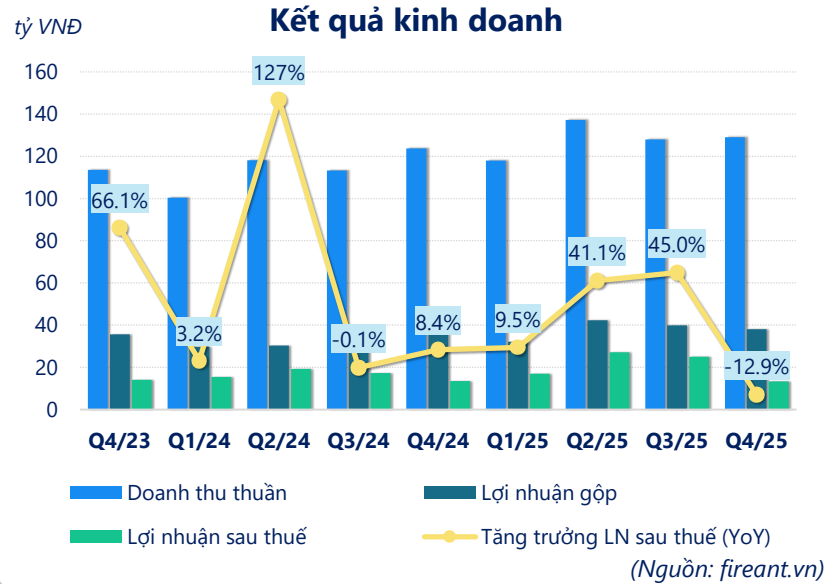


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		37,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		44,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		26,220
SL cổ phiếu LH		15,008,492
KLGD BQ 20 phiên (CP)		560
% sở hữu nước ngoài		0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		563
P/E		6.8
EPS		5,496

	YTD	1T	3T	6T
IST	8.7%	0.5%	-1.3%	9.6%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	542	524	3.5%
Tài sản ngắn hạn	156	168	-7.0%
Tiền và tương đương tiền	72.5	90.1	-19.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	72.5	78.1	-7.1%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	11.4	0	
Tài sản dài hạn	386	356	8.5%
Phải thu dài hạn	24.7	25.6	-3.8%
Tài sản cố định	115	126	-8.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.42	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	18.8	18.8	0.0%
Tài sản dài hạn khác	226	186	21.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	267	286	-6.6%
Nợ ngắn hạn	167	183	-8.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	4.40	21.3	-79.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	57.5	57.0	0.8%
Nợ dài hạn	100	103	-2.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	8.49	11.6	-26.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	275	237	15.7%
Vốn chủ sở hữu	275	237	15.7%
Vốn điều lệ	150	150	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	124	118	137	128	129
Giá vốn hàng bán	84.1	85.8	94.9	88.1	91.0
Lợi nhuận gộp	39.6	32.2	42.3	39.9	38.1
Doanh thu HĐTC	0.43	0.39	0.94	3.51	1.32
Chi phí TC	0.54	0.41	0.38	0.29	0.03
Chi phí lãi vay	0.54	0.41	0.38	0.29	0.02
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.71	0.67	0.25	0.66	4.34
Chi phí QLDN	21.3	10.8	8.74	11.2	18.5
LN thuần từ HĐKD	16.4	20.7	33.9	31.3	16.5
Lợi nhuận khác	0.75	0.43	0.09	0.03	0.04
LN trước thuế	17.2	21.2	34.0	31.3	16.5
Lợi nhuận sau thuế	13.5	16.9	27.2	25.0	13.3
LNST của CĐ cty mẹ	13.5	16.9	27.2	25.0	13.3

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	6.75	8.42	30.3	39.2	25.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-10.00	0.15	-4.36	-6.55	-16.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	3.54	-5.32	-5.32	-46.8	-50.8
Tiền đầu kỳ	89.8	90.1	93.3	114	114
Lưu chuyển tiền thuần	0.29	3.25	20.6	-14.1	-41.4
Ảnh hưởng tỷ giá	0.01	0	0.02	0.02	0.00
Tiền cuối kỳ	90.1	93.3	114	99.8	72.5

(Nguồn: fireant.vn)